

MẤY VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN KHÍ HÓA NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIẠN TỚI

NGUYỄN XUÂN LÂM

Xuất phát từ một nước « vốn là sản xuất nhỏ, với kĩ thuật hết sức lạc hậu, công nghiệp — nhất là công nghiệp hiện đại — chưa có gì đáng kể, không một cân sắt thép, không một cân hóa chất, điện lực chỉ đủ thấp sáng một số thành phố, cơ khí chỉ là những xưởng sửa chữa nhỏ ... » (1) tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đảng ta nhận thức sâu sắc vai trò lịch sử vô cùng trọng đại của sự nghiệp điện khí hóa toàn quốc nói chung và điện khí hóa nông nghiệp nói riêng. Ngay từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, trong cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đảng đã chỉ ra phương châm « điện lực đi trước một bước ».

Trong hơn 20 năm qua, sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta đã thu được những kết quả thiết thực.

Kết quả quan trọng nhất là điện năng đã được dành ưu tiên số 1 phục vụ cho công cuộc thủy lợi hóa — tức là đã phục vụ đúng vào khâu then chốt nhất, quyết định nhất trong toàn bộ dây chuyền của kĩ thuật thâm canh; đã theo sát phương châm « thủy lợi là biện pháp hàng đầu ».

Là một nước nhiệt đới có hai mùa mưa nắng rõ rệt, lại mưa nhiều và mưa tập trung theo nhiều đợt khác nhau, do đó rất dễ gây ra tình trạng úng và hạn; việc chống úng và chống hạn trước kia diễn ra rất gay gắt, rất gian khổ, tốn rất nhiều công lao động.

Ngày nay, nhờ điện khí hóa được khâu bơm nước, chúng ta đã giải phóng cho hàng triệu nông dân với hàng chục triệu ngày công lao động hằng năm khỏi một trong những công

việc nặng nhọc nhất, phức tạp nhất; đã góp phần quyết định trong việc giải quyết tình trạng căng thẳng về nhân lực khi thời vụ; đã giúp cho nông dân chống chọi có hiệu lực với thiên tai, thu hẹp diện úng, hạn hằng năm và tạo điều kiện thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất lao động và năng suất cây trồng.

Nếu nói hệ thống thủy lợi ở miền Bắc nước ta là niềm tự hào, là sản phẩm của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, của quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, thì các trạm bơm điện chính là trái tim, là động lực của toàn bộ hệ thống đó.

Trước Cách mạng tháng Tám, cả miền Bắc chỉ có một trạm bơm điện cỡ nhỏ ở Phù-sa (Sơn-tây cũ), thì ngày nay hệ thống các trạm bơm điện đã trải ra khắp các vùng đồng bằng, trung du, miền núi với 49 trạm bơm điện cỡ lớn, với tổng công suất 45 000 kW, tưới cho 284 000 ha, tiêu cho 94 000 ha; 1 031 trạm bơm điện cỡ nhỏ, với tổng công suất 112 800 kW tưới cho 353 000 ha, tiêu cho 203 665 ha. Như vậy, 40% diện tích phải tưới và 74% diện tích phải tiêu nước đã được điện khí hóa. Phần còn lại do tưới tiêu tự chảy, và phần lớn do các máy bơm dầu chịu trách nhiệm. Nhìn chung, khâu tưới tiêu đã được điện khí hóa và cơ khí hóa ở mức mà khi so sánh nông thôn miền Bắc ngày nay với tình trạng tối tăm, lạc hậu xưa kia sẽ thấy sự đổi thay thật sâu sắc. Chính ở đây, hiệu quả kinh tế, tác dụng thiết thực và vai trò quyết định của công nghiệp trong việc cải tạo nông nghiệp

(1) Lê Duẩn — Ra sức phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa) trang 29, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976.

đã được thể hiện rõ nét. Và qua khâu này, giai cấp nông dân tập thể thấm thía một cách sâu sắc sự giúp đỡ to lớn của Nhà nước vô sản đối với từng cơ sở sản xuất của mình: 1kWh điện giá 0,12 đồng đã giải quyết tưới nước cho 10ha và tiêu úng được cho 3ha ruộng, thay thế 20 người tát nước bằng tay; một máy bơm điện cỡ nhỏ, công suất 1kW, bơm trong một ngày (8 tiếng), được 800m³ nước, trong khi đó một công lao động khỏe, một ngày cũng chỉ tát được 40m³ nước với mực nước dưới 0,5m.

Nhờ điện khí hóa được một phần đáng kể khâu bơm nước, điện năng đã góp phần quan trọng trong việc phân bổ lại lao động của nội bộ ngành nông nghiệp. Một số lao động rất lớn (chuyên tát nước) dời ra ở các hợp tác xã đã được sử dụng vào việc nâng cao trình độ thâm canh, mở mang thêm diện tích (chủ yếu theo hướng tăng vụ), ví dụ: hợp tác xã nông nghiệp Việt-Trung (Hà-nội) sau khi có điện đã điều được 140 lao động chính, trước chỉ chuyên việc tát nước, sang trồng thêm 60 mẫu rau, cấy tăng một vụ lúa hè - thu, nâng hệ số quay vòng ruộng đất từ 2 vụ/năm lên 2,6 vụ/năm.

Sau việc phục vụ thủy lợi hóa, điện năng dùng trong nông nghiệp đã được *tập trung phục vụ các điểm cơ khí nhỏ*.

Nằm trong toàn bộ hệ thống cơ - điện khí hóa nông nghiệp, các điểm cơ khí nhỏ bao gồm các máy cơ khí tĩnh tại đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết vấn đề tiết kiệm nhân lực, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp. Đến nay chúng ta đã có gần 10 000 điểm cơ khí nhỏ (khoảng hơn 90% số hợp tác xã ở đồng bằng, 73% số hợp tác xã ở trung du, 18% số hợp tác xã ở miền núi đã được trang bị cơ khí nhỏ). Rất nhiều điểm cơ khí nhỏ nói trên sử dụng điện năng là nguồn động lực chính.

Việc dùng động cơ điện làm động lực ở các điểm cơ khí nhỏ có ưu điểm rõ rệt. Tuy vốn đầu tư ban đầu có cao hơn khi dùng động cơ diesel nhưng do chi phí sử dụng thấp (động cơ điện dễ sử dụng, dễ bảo quản, lâu hỏng, dễ sửa chữa) nên giá thành chi phí sử dụng động cơ điện thấp hơn nhiều so với động cơ diesel, do đó việc thu hồi vốn đầu tư có thể thực hiện trong một thời gian ngắn. Việc đưa điện năng vào phục vụ các điểm cơ khí nhỏ một cách phổ biến như chúng ta đã làm thời gian qua là một hướng đi đúng, rất phù hợp với thực tế nông thôn nước ta, đáp ứng kịp thời những nhu cầu

cấp bách của nông dân ta, đem lại những hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Đánh giá về vị trí, tác dụng to lớn của các điểm cơ khí nhỏ trong sản xuất nông nghiệp, đồng chí Lê Duẩn nói: « Một hình ảnh nổi bật của khối liên minh công nông là hàng nghìn điểm cơ khí nhỏ, hàng vạn máy công tác dùng trong nông nghiệp và một mạng lưới thủy lợi trải rộng ra trên khắp các cánh đồng miền Bắc đã bước đầu thay đổi bộ mặt của nông nghiệp và nông thôn nước ta, đã bước đầu đưa ánh sáng của khoa học kỹ thuật vào cách làm ăn của người nông dân tập thể ». (1)

Cùng với việc đưa điện phục vụ thủy lợi và cơ khí nhỏ, chúng ta cũng chú ý thích đáng tới việc *phát triển mạng lưới điện phục vụ miền núi và trung du*, trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa thủy lợi và thủy điện, tích cực xây dựng các trạm phát thủy điện nhỏ và vừa.

Đến nay, chỉ tính riêng các tỉnh miền núi, trung du Bắc-bộ và một số huyện miền núi ở khu 4 cũ, chúng ta đã xây dựng được 17 trạm thủy điện cỡ trung bình có công suất mỗi trạm từ 50 đến 1 200 kW, phục vụ cho công nghiệp địa phương, 260 trạm thủy điện cỡ nhỏ có công suất mỗi trạm từ 3 đến 36kW, chủ yếu phục vụ thắp sáng; nhờ đó đã mang lại cho một số bản, làng hẻo lánh ánh sáng của nền văn minh, đã giúp cho việc chế biến nông sản, lâm sản ở đây bước đầu được đầy mạnh.

Bên cạnh những công trình thủy điện và thủy lợi lớn như Thác-bà, sông Đà, Kẻ Gỗ... do Nhà nước xây dựng, việc vận động nhân dân các dân tộc miền núi và trung du, bằng mọi cách, với nguyên liệu địa phương, ra sức tận dụng nguồn thủy năng to lớn ở vùng mình, tích cực xây dựng các trạm thủy điện nhỏ và vừa, với số vốn đầu tư ban đầu không nhiều, với trang bị, thiết bị đơn giản mà nền công nghiệp ở ta có thể tự thiết kế và chế tạo lấy là một hướng đi đúng, cần ra sức phát huy trong thời gian tới.

Hơn nữa, sau này, khi tổng sản lượng điện của mạng lưới điện chung do Nhà nước quản lý dù có thật dồi dào, thì nhiều nơi thuộc miền núi và trung du, do địa thế hiểm trở nên việc kéo lưới điện chung cũng sẽ rất khó khăn, hoặc giá thành điện năng sẽ quá đắt. Vì vậy, việc khuyến khích xây dựng các trạm phát thủy điện nhỏ và vừa rộng khắp ở miền núi và trung du nước ta lại càng phải được coi trọng, và ngay từ bây giờ phải được coi

(1) Lê Duẩn, Tài liệu đã dẫn, trang 32.

là một hướng chiến lược trong toàn bộ sự nghiệp phát triển điện khí hóa ở nông thôn nước ta.

4. Về một phương diện khác, điện khí hóa nông nghiệp thời gian qua không chỉ có tác dụng đơn thuần về mặt kĩ thuật và kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong quá trình củng cố quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật và cách mạng văn hóa — tư tưởng ở nông thôn nước ta.

Là nguồn năng lượng, đồng thời là nền tảng vật chất của phương thức sản xuất lớn, điện năng ở ta khi được đưa vào phục vụ sản xuất tập thể ở nông thôn đã phát huy ngay tác dụng to lớn của nó trên nhiều mặt: thúc đẩy sự ra đời của nền sản xuất nông nghiệp tập trung, qui mô lớn; nâng cao trình độ xã hội hóa các tư liệu sản xuất và hiệp tác hóa các quá trình lao động; xúc tiến việc khép kín các chu trình sản xuất ở ngay tại cơ sở sản xuất.

Chính tập thể hóa nông nghiệp đã mở đường cho sự nghiệp điện khí hóa nông thôn; ngược lại, đến lượt mình, sự nghiệp điện khí hóa nông thôn đã trở thành một trong những hạt nhân gắn kết lao động tập thể, là động lực và là năng lượng chủ yếu của lao động tập thể.

Bằng sức mạnh của mình, cùng với các dạng năng lượng khác điện năng như một thực thể vật chất thúc đẩy các hợp tác xã nhỏ phải suy nghĩ về việc phải sát nhập lại với nhau để thành những hợp tác xã có qui mô sản xuất và diện tích canh tác lớn, có khối lượng nông sản hàng hóa và nhu cầu chế biến sản phẩm nông nghiệp lớn. Chỉ với những qui mô lớn đến một mức độ nhất định (1000 ha/1 hợp tác xã), thì các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp mới thu được hiệu quả kinh tế cao khi sử dụng nguồn điện năng do Nhà nước trang bị cho mình (hiện nay tuy qui mô hợp tác xã mới trên dưới 250 hecta nhưng cũng đã là một bước tiến lớn so với qui mô vài ba chục hecta như trước đây). Rõ ràng, trong việc thúc đẩy mở rộng qui mô hợp tác xã, có vai trò của điện khí hóa nông nghiệp.

Tóm lại, điện khí hóa nông nghiệp thời gian qua, tuy mới đạt được một số kết quả bước đầu nhưng đã mang lại những hiệu quả kinh tế rất thiết thực, góp phần tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho xã viên, góp phần giải phóng người nông dân khỏi những công việc nặng nhọc, vất vả. Nhìn chung, sự nghiệp điện khí hóa ở ta

được giai cấp nông dân tập thể tiếp thu một cách thuận lợi, rất nhiều nơi điện năng trở thành một nhu cầu cấp thiết của nông dân. Bên cạnh việc dùng điện trong sản xuất, một phần nhỏ điện năng được sử dụng trong sinh hoạt ở nông thôn như thắp sáng, truyền thanh, chiếu bóng... đã góp phần làm thay đổi điều kiện sinh hoạt của người nông dân cả về vật chất lẫn tinh thần.

..

Nhìn lại sự phát triển điện khí hóa nông nghiệp miền Bắc nước ta thời gian qua, chúng ta có thể rút ra mấy nhận xét chính sau đây:

1. Đã biết tận dụng nguồn điện từ mạng lưới điện chung của Nhà nước, ở những nơi gần nhà máy phát điện, gần đường dây tải điện, gần thành phố... để sớm đưa điện vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. Những nơi xa lưới điện chung, chúng ta đã nhanh chóng xây dựng các trạm phát điện hoạt động độc lập và cũng đã biết tận dụng tiềm năng thủy điện ở các địa phương để xây dựng các trạm phát thủy điện nhỏ và vừa. Riêng trong thời gian chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chúng ta đã biết chuyển hướng dùng các trạm phát điện diesel độc lập để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong các vùng trọng điểm lúa mà các trạm bơm điện lớn đã bị đánh phá.

2. Đã chú trọng đưa điện về phục vụ sớm trong các cơ sở sản xuất quốc doanh, góp phần đẩy mạnh tốc độ sản xuất của khu vực sở hữu toàn dân trong nông nghiệp. Đến nay hầu hết các nông trường quốc doanh đều đã có điện để sử dụng trong hầu hết các khâu canh tác. Trong khu vực kinh tế tập thể, chúng ta cũng đã đưa điện phục vụ đúng hướng, đúng trọng tâm, vào những nơi có điều kiện và có nhu cầu sử dụng điện bức thiết, nhất là mạng lưới cơ khí nhỏ.

3. Đã biết chọn các khâu quan trọng, thiết yếu nhất để ưu tiên đưa điện phục vụ trước: ở vùng đồng bằng, khâu ưu tiên số 1 là giải quyết bơm nước nhằm chống úng, chống hạn, xúc tiến việc tưới tiêu theo khoa học ở trung du và miền núi, trong khu vực kinh tế quốc doanh, khâu ưu tiên số 1 là chế biến nông sản. Mặt khác, đối với miền núi và trung du, việc phát triển hàng loạt các trạm phát thủy điện nhỏ và vừa là hướng đi đúng, cần ra sức phát triển.

Tuy nhiên, việc đưa điện vào phục vụ sản xuất nông nghiệp thời gian qua cũng gặp

một số khó khăn và có một số nhược điểm nhất định:

* Sản xuất nông nghiệp ở ta về cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ, thủ công, lạc hậu, do đó việc tiếp thu và phát huy tác dụng của điện năng còn rất hạn chế. Mặt khác, nền công nghiệp của ta còn non yếu, tổng sản lượng điện sản xuất ra còn ít ỏi, trong khi đó địa bàn phục vụ của điện trong nông nghiệp lại hết sức rộng lớn và phân tán, yêu cầu sử dụng vừa phức tạp, vừa khắt khe, do đó đòi hỏi phải có những biện pháp khắc phục, mà trong lĩnh vực này ngành điện lực của ta chưa bảo đảm được.

Mặt khác, một số thiếu sót chủ quan của chúng ta trong thời gian qua cũng đã hạn chế một phần tác dụng phục vụ của điện năng trong sản xuất nông nghiệp:

— Việc qui hoạch mạng lưới điện phục vụ nông nghiệp chưa có sự chỉ đạo thống nhất. Trong một thời gian dài trước đây, ngành nông nghiệp còn coi nhẹ vai trò của điện năng trong nông nghiệp nên trong nhận thức, tư tưởng và i đồ chỉ đạo còn ít chú ý đến việc xây dựng qui hoạch điện khí hóa nông thôn, ít tích cực, chủ động đặt yêu cầu mạnh mẽ về điện khí hóa nông nghiệp với các ngành có liên quan. Vì vậy, việc phát triển mạng lưới điện trong nông nghiệp có khi không tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với các ngành khác, với các mặt khác trong cùng một địa bàn. Kết quả là kế hoạch phát triển điện khí hóa thời gian qua mang tính chất tùy tiện và chắp vá, gây lãng phí trong xây lắp, vận hành và sử dụng.

— Công tác thiết kế mạng lưới điện cũng chưa tiến hành tốt, chưa tính toán để chọn ra phương án tối ưu. Trạm biến áp ở một số nơi còn chưa nằm ở trung tâm phụ tải, kể cả trạm biến áp 35/10 kilôvôn. Một số nơi lưới điện áp xây dựng theo lối ước tính mà không qua thiết kế, do đó phải dỡ đi làm lại nhiều lần, tốn kém mà thời gian sử dụng lại chậm hơn.

— Công tác thi công, lắp ráp còn kéo dài, chậm đưa công trình vào sử dụng. Vật tư, thiết bị thường không được cung cấp sát hợp với yêu cầu, do đó việc lắp ráp nhiều khi tùy tiện, không phù hợp với thiết kế, gây lãng phí hoặc không bảo đảm an toàn kỹ thuật. Nhiều cơ sở sản xuất rất cần điện nhưng đã phải chờ đợi từ tháng này qua tháng khác, thậm chí đến hàng năm như xí nghiệp Gà Lương-mĩ (Hà-sơn-bình), Trại Bò giống Mộc-châu (Sơn-la), gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất.

— Việc vận hành, sử dụng, chăm sóc trang bị, thiết bị điện và mạng lưới điện trong nông nghiệp còn kém. Nhiều công nhân phục vụ tại các điểm nông nghiệp chưa qua một lớp đào tạo, bồi dưỡng nào. Trình độ tay nghề của công nhân vận hành điện nông nghiệp còn yếu. Qui trình, qui phạm vận hành điện nông nghiệp không được chỉ đạo thông suốt trong toàn ngành. Công tác bảo dưỡng, chăm sóc thiết bị điện nông nghiệp và máy móc nông nghiệp còn kém, do đó tuổi thọ của thiết bị điện nông nghiệp giảm sút nghiêm trọng, tai nạn lao động do việc sử dụng điện ở nông thôn xảy ra nhiều.

Mạng lưới sửa chữa, trang bị, thiết bị điện nông nghiệp còn chưa được đặt ra song song với sự phát triển của mạng lưới điện. Trang bị, thiết bị điện, động cơ điện dùng trong nông nghiệp bị hư hỏng không có nơi sửa chữa, gây trở ngại cho sản xuất rất nhiều.

— Việc cung cấp điện năng cho nông nghiệp còn chưa thật phù hợp với yêu cầu của sản xuất, chưa thể hiện rõ tính thời vụ trong nông nghiệp. Hơn nữa, chất lượng điện năng chưa tốt: điện áp thường bị sụt thấp quá mức, hệ số công suất thấp, sự cố thường xảy ra (theo kế hoạch công suất bơm điện có trên 15 vạn kW nhưng chưa khi nào được dùng đồng thời quá 5 vạn kW).

— Vấn đề quản lý kỹ thuật, đặc biệt là các văn bản cần thiết cho công tác quản lý kỹ thuật, chưa được xây dựng kịp thời hoặc chưa được phổ cập ứng dụng. Đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật còn thiếu và yếu, việc sử dụng chưa hợp lý, chất lượng đào tạo chưa cao. Nhìn chung, việc quản lý toàn bộ mạng lưới điện trong nông nghiệp cho đến từng hộ tiêu dùng, hiện chưa có lực lượng và cơ quan chịu trách nhiệm rõ ràng, đó là điều cần được quan tâm khắc phục.

Nguyên nhân của những thiếu sót trên có nhiều nhưng chủ yếu là do nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác điện khí hóa nông nghiệp còn chưa được quán triệt trong các ngành, các cấp. Cơ quan chủ quản là ngành nông nghiệp, là người nắm đặc điểm của nông nghiệp, nắm được phương hướng, kế hoạch và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nhưng ít tham gia ý kiến đầy đủ về qui hoạch, kế hoạch và phương hướng phát triển điện khí hóa nông nghiệp.

..

Ngày nay, nước nhà đã thống nhất đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ một cách nghiêm túc về toàn bộ sự nghiệp điện khí hóa chung

cho cả nước, trong đó có điện khí hóa nông nghiệp. Mặt khác, do yêu cầu to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta trong bước đi ban đầu, vấn đề điện khí hóa nông nghiệp càng trở nên cấp bách, cần phải được đẩy mạnh với tốc độ cao hơn, qui mô lớn hơn. Để có thể hình dung được phương hướng, nhiệm vụ của sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp trong thời gian 15-20 năm tới, chúng tôi thấy cần nêu ở đây 3 vấn đề lớn: *mục tiêu* cho một qui hoạch điện khí hóa nông nghiệp trong toàn quốc phải như thế nào cho đúng? *nguồn điện năng* của điện khí hóa nông nghiệp trong tương lai sẽ ra sao? *đối tượng* phục vụ của điện khí hóa nông nghiệp thời gian tới là gì?

1 - Trước hết, để xác định bước đi cho sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp, chúng ta phải hình dung cho được *mục tiêu tương đối hoàn chỉnh* mà điện khí hóa nông nghiệp ở nước ta trong một tương lai không xa phải đạt tới. Mục tiêu đó là hình ảnh của một nước Việt-nam thống nhất, có các đơn vị hành chính phù hợp với các đơn vị kinh tế, lấy địa bàn huyện làm cấp cơ sở của nông nghiệp, với khoảng 500 huyện trong toàn quốc, mỗi huyện có diện tích canh tác khoảng 10 000 ha, chia ra làm 10 hợp tác xã, có qui mô bình quân mỗi hợp tác xã trên dưới 1 000 ha. Như vậy, toàn quốc sẽ có khoảng 5 000 điểm tập trung dân cư, mỗi điểm dân cư đó sẽ là một đơn vị kinh tế « nông - công nghiệp », tương đối hoàn chỉnh, với 10 « liên hợp xí nghiệp » sản xuất lớn, với phương thức sản xuất, về căn bản, được cơ khí hóa và điện khí hóa theo hướng chuyên canh, thâm canh.

Như thế, qui mô sản xuất của một hợp tác xã ít ra là lớn gấp 4-5 lần so với qui mô hiện nay, và rõ ràng, nhu cầu về điện của các hợp tác xã lúc đó sẽ rất cấp bách và to lớn. Một huyện sẽ phải sử dụng công suất ít nhất 3 000 kW điện trở lên, tức khoảng 10 triệu kWh điện năng. Với 500 huyện trong toàn quốc, công suất điện năng dùng trong nông nghiệp sẽ vào khoảng 1,5 triệu kW. Với số giờ sử dụng điện nông nghiệp hằng năm ước tính khoảng 2 000 giờ thì điện năng tiêu thụ cho nông nghiệp sẽ vào khoảng trên dưới 3 tỉ kWh.

So với sản lượng điện hiện tại thì con số đó là quá lớn, nhưng nếu chúng ta thấy rằng, từ nay tới năm 1990, với các công trình thủy điện và nhiệt điện mới được xây dựng hoặc mở rộng, thì con số đó là có thể chấp nhận được. Việc trích ra khoảng trên dưới 15%

tổng sản lượng điện để có khoảng 3 tỉ kWh phục vụ cho nông nghiệp là một yêu cầu chính đáng.

Trong toàn bộ mục tiêu đó của sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp, hướng phần đầu cụ thể của chúng ta từ nay đến 1980 là phải tập trung đưa điện năng vào phục vụ các khâu: bơm nước, tưới tiêu, xay xát gạo, đập tuốt lúa và một phần cho chế biến nông sản.

Từ 1980 trở đi, cùng với sự phát triển của nông nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn, sản lượng nông sản hàng hóa sẽ tăng lên rất nhanh, điện khí hóa nông nghiệp, ngoài những nhiệm vụ đã nêu trên, sẽ phải tập trung vào nhiệm vụ chế biến nông sản, nâng cao giá trị của nông sản hàng hóa. Trong giai đoạn này, phải xây dựng hàng loạt trạm chế biến nông sản hàng hóa tập trung của một hợp tác xã hoặc nhiều hợp tác xã. Trên địa bàn một huyện, bên cạnh những trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, những xưởng cơ khí, trạm bơm điện, các điểm cơ khí nhỏ..., sẽ mọc lên các trạm chế biến nông sản với động lực chủ yếu là điện uông.

Trong thời gian tới, điện năng sẽ góp phần xứng đáng trong việc đưa huyện trở thành một cơ cấu « nông - công nghiệp » hoàn chỉnh, gắn liền sản xuất với chế biến, gắn liền sản xuất với lưu thông, khép kín chu trình sản xuất trên địa bàn huyện.

2 - Để bảo đảm cho bước đi đó của sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp được thực hiện thắng lợi thì việc xác định chính xác *nguồn điện năng phục vụ nông nghiệp* trong thời gian tới là một vấn đề quan trọng. Trong lĩnh vực này, kiến của chúng tôi như sau:

Trong vòng 5 - 10 năm tới, công suất và điện năng của nguồn điện chung do Nhà nước quản lý chưa nhiều; vật tư, thiết bị, máy móc để phục vụ cho quá trình điện khí hóa nông nghiệp chưa phải đã dồi dào; mạng lưới điện chung chưa thể rải ra khắp mọi miền của đất nước. Cho nên công tác điện khí hóa nông nghiệp thời gian tới không thể triển khai ngay một lúc ở khắp mọi nơi, mà phải tiến hành dần từng bước, có trọng tâm, trọng điểm. Trọng tâm, trọng điểm đó của sự nghiệp điện khí hóa phải gắn liền với trọng tâm, trọng điểm của toàn bộ quá trình cơ giới hóa nông nghiệp ở nước ta (1).

Mặt khác, ta cũng không thể chỉ dựa vào mạng lưới điện chung để phát triển điện khí hóa nông nghiệp mà phải biết tận dụng, khai

(1) Xem thêm: Nguyễn Xuân Lâm. *Mấy vấn đề phát triển cơ giới hóa nông nghiệp ở nước ta trong thời gian tới*. Tạp chí Hoạt động khoa học, số 7-1976.

thác khả năng tiềm tàng của từng vùng, từng địa phương để sản xuất ra điện năng. Như vậy, nguồn điện năng cho điện khí hóa nông nghiệp trong thời gian tới có thể lấy từ các nguồn sau đây: từ lưới điện chung, từ các nhà máy phát điện độc lập, từ các trạm thủy điện nhỏ và vừa, từ các máy phát điện diesel được trang bị riêng cho từng cơ sở. Mỗi địa phương cần dựa vào tình hình và điều kiện cụ thể của mình mà xác định nguồn điện năng và xúc tiến kế hoạch khai thác nguồn điện năng đó của từng địa phương để phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp.

Mặc dù nguồn điện chung có nhiều ưu điểm: chất lượng tốt, giá thành rẻ, dễ sử dụng, nhưng việc xây dựng các trạm thủy điện nhỏ và vừa vẫn có vai trò quan trọng đặc biệt. Xây dựng thật nhiều và thật tốt các trạm thủy điện nhỏ và vừa sẽ cho ta một sản lượng điện khá lớn, có thể giải quyết về cơ bản nhu cầu về điện cho các vùng miền núi và trung du (các vùng này chiếm tới 4/5 diện tích đất đai của nước ta). Kinh nghiệm ở các nước anh em, ví dụ như Liên-xô, một mặt họ ra sức xây dựng các nhà máy điện nguyên tử, các nhà máy thủy điện khổng lồ, các nhà máy nhiệt điện với công suất rất cao; nhưng mặt khác, trong nông nghiệp, Liên-xô vẫn xây dựng rất nhiều trạm thủy điện nhỏ và các trạm phát điện chạy bằng sức gió với công suất chỉ từ 10 - 100 kW. Theo số liệu thống kê thì 40 năm sau Cách mạng tháng Mười, toàn Liên-xô có 70 956 trạm phát thủy, nhiệt điện nhỏ phục vụ cho nông nghiệp. Chính điện năng của các nhà máy này sản ra đã bảo đảm được 60% yêu cầu về điện dùng trong nông nghiệp.

3- Trong vài ba kế hoạch 5 năm tới là giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp cơ khí hóa, điện khí hóa nông nghiệp, do đó điện năng và lưới điện chung phục vụ cho nông nghiệp sẽ phát triển mạnh mẽ, nhưng ngay một lúc chưa thể thỏa mãn được rộng khắp và đầy đủ nhu cầu về điện của nông nghiệp trong cả nước. Vì vậy *đối tượng phục vụ điện trong nông nghiệp* có thể hiểu trên đại thể như sau:

— Khu vực kinh tế quốc doanh là khu vực cần được ưu tiên sớm đưa điện về phục vụ trong hầu hết các lĩnh vực sản xuất và chế biến, nhằm nâng cao năng suất lao động và giá trị nông sản hàng hóa. Cần phấn đấu trong một thời gian ngắn, *tất cả các cơ sở kinh tế nông nghiệp* thuộc khu vực quốc doanh đều có điện dùng trong hầu hết các khâu sản xuất.

— Đối với khu vực kinh tế tập thể, điện năng đưa về các hợp tác xã nông nghiệp chủ

yếu là để *phục vụ sản xuất*; đồng thời ở những nơi có điều kiện cũng nên dành một phần điện năng phục vụ cho sinh hoạt để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. Trong lĩnh vực này cần có quan điểm rõ ràng: điện phục vụ cho sinh hoạt không phải là lãng phí, nhưng tuyệt đối không được lãng phí trong việc sử dụng điện cho sinh hoạt. Về mặt ý nghĩa nào đó, điện phục vụ cho sinh hoạt chính là gián tiếp thúc đẩy sản xuất, phục vụ sản xuất. Khâu ưu tiên số 1 của điện khí hóa nông nghiệp trong khu vực kinh tế tập thể vẫn là giải quyết vấn đề thủy lợi. Cần phấn đấu trong một thời gian ngắn có thể *cơ bản* điện khí hóa *toàn bộ* việc tưới tiêu trên các cánh đồng theo kịp yêu cầu của cơ giới hóa nông nghiệp.

Các hợp tác xã được ưu tiên đưa điện về phục vụ, trước hết phải là những hợp tác xã nằm trong các vùng chuyên canh lớn, các hợp tác xã đang trên khai mở mang vụ đông, các hợp tác xã có sản lượng hàng hóa lớn cần giải quyết nhanh việc qui hoạch, chế biến, bảo quản nông sản phẩm.

Trong thời gian tới cũng cần dành một phần điện năng thích đáng để phục vụ chăn nuôi, chủ yếu ở khâu chế biến thức ăn tổng hợp trong các xí nghiệp lớn và cung cấp nước trong các trại chăn nuôi lớn có qui mô trên dưới 500 con.

Là một dạng năng lượng quan trọng và là một mặt không thể thiếu được của toàn bộ quá trình hiện đại hóa nông nghiệp, điện khí hóa nông nghiệp ở ta thời gian qua đã mang lại những hiệu quả kinh tế rất thiết thực, nó góp phần củng cố vững chắc quan hệ sản xuất mới, bước đầu làm thay đổi bộ mặt của nông thôn nước ta. Trong thời gian tới, cùng với việc đẩy mạnh toàn bộ sự nghiệp cơ giới hóa nông nghiệp theo hướng đồng bộ, trên qui mô lớn, với tốc độ cao, sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp ở ta càng phải thể hiện rõ phương châm «*điện lực đi trước một bước*». Để bảo đảm quá trình điện khí hóa nông nghiệp thời gian tới tiến hành được tốt, chúng ta còn phải *đi đúng đường lối quần chúng*, phải phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh của quần chúng, phải động viên mỗi cơ sở sản xuất và mỗi xã viên, sau khi giác ngộ ý nghĩa và lợi ích thiết thực của sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp đối với chính mình, họ sẽ tích cực đóng góp công sức, tiền của, vốn liếng, nguyên vật liệu cho công tác điện khí hóa nông nghiệp. Chỉ có như thế, sự nghiệp điện khí hóa nông nghiệp của ta thời gian tới mới phát triển trên qui mô lớn, với tốc độ cao được.